

Số: 624 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình
đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng (viết tắt là QHXD) Vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 24-KL/TU ngày 18/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét tờ trình số 70/UBND-KTHT ngày 17/7/2020 của UBND huyện Gia Bình và Báo cáo thẩm định số 196/BCTĐ-HĐTĐ ngày 28/8/2020 của Hội đồng thẩm định Đồ án QHXD vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án QHXD vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Vị trí và phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Gia Bình, được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp huyện Quế Võ với ranh giới là sông Đuống; Phía Đông giáp thành phố Chí Linh và huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; Phía Nam giáp huyện Lương Tài; Phía Tây giáp huyện Thuận Thành.

b) Quy mô quy hoạch:

- Diện tích tự nhiên khoảng 107,6 km².

- Quy mô dân số: Hiện trạng năm 2019 khoảng 103.781 người, đến năm 2035 có khoảng 135.000 ÷ 145.000 người.

c) Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025, giai đoạn dài

hạn đến năm 2035, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh, định hướng phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Bắc Ninh và huyện Gia Bình.

- Xác định, phân vùng phát triển hệ thống đô thị, khu vực phát triển công nghiệp, khu vực nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn toàn huyện;

- Thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tiềm năng và nguồn lực của huyện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, thế mạnh về đất đai, nông nghiệp, nguồn lao động, nâng cao chất lượng sống cho người dân và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở để triển khai các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, phát triển đô thị; quản lý đô thị, các khu vực dân cư nông thôn, khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, ...và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng bộ.

- Trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Bắc Ninh và cả nước, hướng tới trở thành thị xã.

3. Tính chất quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: Là khu vực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng phía nam sông Đuống.

- Giai đoạn dài hạn: Là khu vực phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại dịch vụ và du lịch của vùng phía nam sông Đuống.

4. Tầm nhìn

- Xây dựng hệ thống đô thị, nông thôn hiện đại có môi trường sống tốt, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

- Thuộc vùng ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến phục vụ nông nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao - nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm, du lịch tâm linh.

- Xây dựng khung bảo vệ thiên nhiên ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường tự nhiên, giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Đảm bảo khả năng huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế.

5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

- Quy mô dân số: Đến năm 2025 có khoảng 115.000 ÷ 120.000 người; đến năm 2030 khoảng 125.000 ÷ 127.000 người; đến năm 2035 có khoảng 135.000 ÷ 145.000 người.

- Tăng trưởng kinh tế:

+ Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 9,0-9,5%/năm; trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng (CN-XD) tăng từ 10,7-11%/năm; dịch vụ tăng từ 9,5-10%/năm và nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) tăng từ 1,8-2,1%/năm.

+ Giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 9,8-10,3%/năm; trong đó CN-XD tăng từ 11-11,6%/năm; dịch vụ tăng từ 10-10,5%/năm và NLTS tăng từ 2,5-3%/năm.

+ Giai đoạn 2031 - 2035: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 9,3-9,8%/năm, trong đó CN-XD tăng từ 10-10,5%/năm; dịch vụ tăng từ 9,5-10%/năm. và NLTS tăng từ 2-2,5%/năm.

- Cơ cấu kinh tế:

+ Đến năm 2025: Tỷ trọng NLTS chiếm từ 10,4-10,8%; CN-XD từ 55,6-56,1% và dịch vụ từ 33,1-34%;

+ Đến năm 2030: Tỷ trọng NLTS từ 7,5-7,8%; CN-XD từ 57,3-57,5% và dịch vụ từ 34,7-35,2%;

+ Đến năm 2035: Tỷ trọng NLTS còn 5,9-6,1%; CN-XD chiếm từ 58,6-59% và dịch vụ từ 34,9-35,5%.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Cấu trúc phát triển

Theo hành lang phát triển dọc QL17 và ĐT.282B gắn kết các đô thị Gia Bình (đô thị trung tâm), đô thị Nhân Thắng, đô thị Cao Đức, kết nối phía Tây (huyện Thuận Thành đô thị loại IV) với phía Bắc là huyện Quế Võ (quận Quế Võ); tuyến đường ĐT.282B và QL17 là các tuyến đường đóng vai trò kết nối với các vùng kinh tế phía Bắc sông Đuống của tỉnh.

b) Định hướng phát triển không gian vùng

Chọn phương án phát triển theo hành lang, chia thành ba vùng:

+ Vùng phát triển đô thị và công nghiệp dọc theo đường QL.17 và ĐT.282B gồm các đô thị Gia Bình, Nhân Thắng, Cao Đức, trọng tâm là phát triển đô thị, công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

+ Vùng phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, vui chơi giải trí, du lịch văn hóa tâm linh dọc hành lang sông Đuống.

+ Vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái là các xã còn lại.

c) Quy hoạch hệ thống đô thị:

- Về tính chất quy hoạch:

+ Đô thị Gia Bình (thị trấn Gia Bình mở rộng và xã Đông Cứu): Diện tích 11,03km²; dân số năm 2025 khoảng 19.000 – 20.000 người, đến năm 2035 khoảng 30.000 – 35.000 người. Tính chất chức năng: Là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao của huyện Gia Bình, là một trong những điểm du lịch văn hóa, lịch sử, “du lịch, văn hóa, làng nghề và sinh thái” sông Đuống, có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

+ Đô thị Nhân Thắng: Diện tích 8,18km²; dân số năm 2025 khoảng 9.000 – 9.500 người, đến năm 2035 khoảng 15.000 – 18.000 người. Tính chất chức năng: Là đô thị dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp.

+ Đô thị Cao Đức: Diện tích 11,47 km²; dân số năm 2025 khoảng 6.000 –

6.300 người, đến năm 2035 khoảng 7.500 – 9.500 người. Tính chất chức năng: Là đô thị dịch vụ và du lịch tâm linh.

d) Quy hoạch hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng các khu vực trung tâm xã, khu dân cư hiện hữu và xây dựng mới hệ thống các điểm dân cư nông thôn. Ưu tiên xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, cảnh quan sinh thái tự nhiên, bổ sung cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, xác định danh mục các công trình, đối tượng, không gian cần bảo tồn để có biện pháp ứng xử phù hợp.

- Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn các xã cho phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện làm cơ sở quản lý, kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, tầng cao công trình, kiến trúc công trình và bảo vệ môi trường cảnh quan khu vực nông thôn; kiểm soát việc đô thị hóa tự phát, hình thức kiến trúc không phù hợp làm phá vỡ cảnh quan và môi trường khu vực nông thôn; thực hiện bảo tồn các không gian làng ở nông thôn và đô thị.

đ) Các khu vực kiểm soát đặc biệt

- Các khu vực hành lang thoát lũ sông Đuống: Thực hiện theo quy hoạch, xác định cụ thể ranh giới thoát lũ, vị trí các tuyến đê và quy định cụ thể hoạt động xây dựng theo từng khu vực.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật Di sản văn hóa.

- Các khu vực cảnh quan sông Đuống: Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về Đê điều; đối với vùng đất ngoài sông, chủ yếu phát triển các dự án nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, khai thác không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên và các di tích lịch sử văn hóa.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng; việc đầu tư xây dựng phải được cơ quan thẩm quyền thống nhất theo quy định.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm đối với: Hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

e) Quy hoạch các khu chức năng cấp vùng huyện

- Quy hoạch khu đô thị, dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp dọc tuyến đường QL.17 (nhà ở, thương mại dịch vụ, dịch vụ logistics, công cộng,...).

- Quy hoạch Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Xuân Lai, với quy mô khoảng 5ha tại vị trí đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư, khu công cộng, nguồn nước theo quy định.

- Quy hoạch khu vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp sinh thái tại khu vực bãi sông Đuống có quy mô khoảng

600 ha tại xã Thái Bảo – Vạn Ninh và xã Cao Đức.

- Quy hoạch cảng tại xã Cao Đức và xã Thái Bảo quy mô diện tích khoảng 10ha (giai đoạn dài hạn khoảng 20ha) gắn với dịch vụ logistics.

f) Hệ thống cơ sở sản xuất

- Công nghiệp:

Tập trung hoàn thiện, phát triển hai khu công nghiệp tập trung là khu công nghiệp Gia Bình I và khu công nghiệp Gia Bình II theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, bổ sung mở rộng cụm công nghiệp Cao Đức – Vạn Ninh lên tổng diện tích khoảng 75ha, bổ sung mở rộng cụm công nghiệp Giang Sơn - Song Giang lên tổng diện tích khoảng 50ha trong giai đoạn dài hạn (đề nghị bổ sung vào quy hoạch tỉnh đối với hai cụm công nghiệp này).

- Thương mại dịch vụ và du lịch:

+ Thương mại: Ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ gắn với trung tâm các khu vực đô thị, các làng nghề, vùng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

+ Du lịch: Phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch làng nghề (Đại Bái, Xuân Lai,...), vui chơi giải trí và du lịch văn hóa tâm linh (Lệ Chi Viên, Khu du lịch sinh thái Thiên Thai - đền thờ Lê Văn Thịnh,...) trọng tâm phát triển theo dọc hành lang sông Đuống (công viên cây xanh và kết hợp vui chơi giải trí) phục vụ nhu cầu sinh hoạt công cộng cho người dân và phát triển kinh tế, tạo cảnh quan môi trường.

g) Quy hoạch khu vực phát triển nông nghiệp

Quy hoạch các vùng kinh tế nông nghiệp, ưu tiên nông nghiệp sạch, nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, cụ thể như sau:

- Vùng sản xuất cây trồng tập trung, nuôi trồng thủy sản được quy hoạch tại các xã Song Giang, Giang Sơn, Đại Lai, Xuân Lai, Quỳnh Phú, Bình Dương, Cao Đức, Thái Bảo, Bình Dương và Vạn Ninh; vùng nuôi cá lồng trên sông tại xã Song Giang và xã Cao Đức;

- Vùng chăn nuôi tập trung được quy hoạch tại các xã: Giang Sơn, Đại Lai.

h) Hệ thống hạ tầng xã hội

- Công sở, trụ sở làm việc:

Trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện tại thị trấn Gia Bình theo quy hoạch chung đô thị Gia Bình và trung tâm hành chính - chính trị cấp xã, cấp thị trấn theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng xây dựng các tòa nhà liên cơ quan.

- Nhà ở:

+ Định hướng đến năm 2025: Nhà ở khu vực đô thị đạt khoảng 31m²/người, nhà ở khu vực nông thôn khoảng 28m²/người; đến năm 2035, nhà ở khu vực đô thị khoảng 35 - 37 m²/người, nhà ở khu vực nông thôn khoảng 30 – 32 m²/người.

+ Phát triển các dự án đầu tư khu nhà ở, khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ

thuật, hạ tầng xã hội; quy hoạch nhà ở xã hội tại khu vực KCN Gia Bình I, II để phục vụ nhu cầu của người lao động trong tương lai.

- Hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề:

+ Tiếp tục duy trì và cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống trường đào tạo nghề và trường học hiện có.

+ Quy hoạch mới 01 trường THPT tại xã Vạn Ninh phục vụ cho khu vực phía Đông của huyện (khu vực: Bình Dương, Cao Đức, Vạn Ninh, Thái Bảo).

+ Quy hoạch Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề tại vị trí mới.

+ Khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trường học các cấp ngoài công lập ở những khu vực đông dân cư, có nhu cầu phát triển theo hình thức xã hội hóa.

- Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Tiếp tục duy trì và cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện với quy mô 250 - 300 giường, các trạm y tế xã với quy mô 50 giường bệnh; quy hoạch mới đất công trình y tế cấp đô thị tại Đô thị Nhân Thắng và đô thị Cao Đức để thu đầu tư ngoài công lập để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Công trình thiết chế văn hóa, thể thao, công viên cây xanh, mặt nước:

+ Quy hoạch trung tâm văn hoá - thể dục thể thao cấp vùng huyện tại thị trấn Gia Bình (phía Bắc ĐT.282B) với diện tích khoảng 10ha. Quy hoạch mới 01 trung tâm văn hoá - thể dục thể thao cấp vùng huyện tại đô thị phía Đông của huyện quy mô khoảng 8,0ha tại xã Cao Đức.

+ Đảm bảo mỗi xã đều có một nhà văn hóa và trung tâm thể dục thể thao cấp xã; mỗi thôn đều có một nhà văn hóa, khu thể dục thể thao theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn.

+ Cải tạo, chỉnh trang các điểm di tích lịch sử tiêu biểu (đình, đền, chùa, miếu,...) đặc biệt là Đền thờ Lê Văn Thịnh; quần thể di tích Lê Chi Viên; Đền và Lăng Cao Lỗ Vương; Đền Tam Phủ...

+ Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh kết hợp vui chơi giải trí dọc theo sông Đuống... đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của người dân và phát triển kinh tế, tạo cảnh quan môi trường; các vùng kinh tế nông nghiệp tạo thành bộ khung thiên nhiên, cân bằng sinh thái, đạt chỉ tiêu cây xanh tối đa.

i) Định hướng phát triển các hành lang xanh, nêm xanh, vành đai xanh:

Hình thành các hành lang xanh gắn với sông Đuống, sông Ngụ...; Các không gian xanh được hình thành gắn với thực hiện bảo tồn các khu vực di sản, cung cấp các dịch vụ sinh thái cho đô thị và tạo môi trường cảnh quan cho đô thị. Giải pháp thiết kế cụ thể của từng khu vực được thực hiện theo đồ án quy hoạch riêng gắn với thực trạng cụ thể của từng khu vực.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai

7.1. Đến năm 2025:

- Đất sử dụng phi nông nghiệp: Khoảng 5.273,98 ha, chiếm khoảng 49,02 % diện tích đất tự nhiên.

- Đất nông nghiệp và đất khác: Khoảng 5.485,04 ha, chiếm khoảng 50,98% diện tích đất tự nhiên.

7.2. Đến năm 2035:

- Đất sử dụng phi nông nghiệp: Khoảng 6.191,50 ha, chiếm khoảng 57,55% diện tích đất tự nhiên.

- Đất nông nghiệp và đất khác: Diện tích khoảng 4.567,52 ha, chiếm khoảng 42,45 % diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất nông nghiệp có xu hướng giảm dần do chuyển đổi chức năng sử dụng nông nghiệp sang đất công nghiệp và đô thị, phần diện tích còn lại chuyển đổi mô hình nông nghiệp công nghệ cao nâng cao chất lượng và phục vụ du lịch sinh thái trải nghiệm nhưng vẫn đảm bảo an ninh lương thực.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch giao thông:

Tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, phát huy tối đa về lợi thế của huyện, tập trung cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới mạng lưới giao thông hiện đại, đồng bộ; phát triển hệ thống giao thông công cộng đa dạng.

a) Giao thông đường bộ: Quy hoạch mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các tuyến đường giao thông từ quốc lộ đến đường huyện, các tuyến đường trục chính đô thị gồm:

- QL.17 có mặt cắt ngang điển hình là 42,0m = lòng đường rộng 2x10,5m, hè đường rộng 2x8,0m, dải phân cách giữa rộng 5,0m, bố trí các tuyến đường gom đối với các khu chức năng, khu đô thị để hạn chế giao cắt trực tiếp với đường quốc lộ. Quy hoạch mới tuyến đường tránh QL.17 kết nối từ huyện Thuận Thành qua huyện Gia Bình với mặt cắt ngang điển hình rộng 40,0m = (hè đường rộng 2x8m, lòng đường rộng 2x10,5m, dải phân cách giữa rộng 3,0m);

- Các tuyến đường tỉnh qua địa bàn huyện Gia Bình kết nối giao thông giữa các khu vực đô thị, trung tâm xã với trung tâm đô thị Bắc Ninh và với các vùng lân cận, gồm các tuyến ĐT.279, ĐT.280, ĐT.282B, ĐT.284, ĐT.285, ĐT.285B, với quy mô mặt cắt ngang điển hình như sau:

+ ĐT.279 có mặt cắt ngang điển hình 38m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x6,0m (hè đường) + 5m (dải phân cách giữa);

+ ĐT.280 có mặt cắt ngang điển hình 38m = 2x10,5m (lòng đường) + 2x7,5m (hè đường) + 2m (dải phân cách giữa);

+ ĐT.282B có mặt cắt ngang điển hình 56m = 2x15m (lòng đường) + 2x5m (hè đường) + 16m (kênh và bờ kênh đối với đoạn đi dọc kênh thủy lợi);

+ ĐT.284 và ĐT.285 có mặt cắt ngang điển hình từ 22,5m (10,5m + 2x6m) đến 27m (15m + 2x6m);

+ ĐT.285B có mặt cắt ngang điển hình 56,5m = 2x11,25m (lòng đường chính) + 2x3m (dải phân cách phụ) + 2x7,5m (lòng đường gom) + 2x6m (hè đường) + 3m (dải phân cách giữa).

- Các tuyến đường chính đô thị, kết hợp với hệ thống các tuyến đường tỉnh và các quảng trường đô thị, công viên cây xanh tạo thành các trục cảnh quan, điểm nhấn

cho đô thị, có mặt cắt ngang theo quy hoạch chung đô thị được duyệt, đảm bảo yêu cầu giao thông lâu dài;

- Hệ thống các tuyến đường huyện (có tính chất liên khu vực) kết nối giữa các khu vực đô thị, các khu vực nông thôn với nhau và với mạng lưới đường tỉnh, đường quốc lộ xung quanh; có mặt cắt ngang điển hình đáp ứng nhu cầu vận tải của địa phương, lòng đường rộng tối thiểu 4 làn xe tiêu chuẩn.

b) Giao thông đường thủy:

- Giao thông đường thủy: Khai thác tuyến vận tải, du lịch đường thủy trên Sông Đuống, phát triển cảng Thái Bảo, cảng Cao Đức,... kết nối mạng lưới giao thông vận tải hàng hóa đường thủy từ tỉnh Bắc Ninh với các cụm cảng biển nước sâu tại khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, tạo động lực để phát triển cho khu vực đô thị Gia Bình, Nhân Thắng, Cao Đức và khu vực ven sông Đuống, sông Thái Bình,...

- Bến thuyền du lịch: Đề xuất hệ thống bến thuyền dọc bên sông Đuống để khai thác giao thông và du lịch đường sông.

c) Hệ thống giao thông công cộng: Tiếp tục nâng cấp các tuyến xe buýt liên huyện hiện có và quy hoạch mới các tuyến xe buýt liên tỉnh Bắc Ninh – Hải Dương và các tuyến xe buýt nội vùng kết nối các đô thị Gia Bình, Nhân Thắng, Cao Đức, kết nối với đô thị Phố Mới (Quế Võ), đô thị Thứa, Trung Khê (Lương Tài), Hồ (Thuận Thành), thành phố Bắc Ninh, ...

d) Hệ thống giao thông tỉnh:

- Bến xe cấp huyện: Đề xuất quy hoạch hai bến xe cấp huyện tại các khu vực xã Đại Bái và xã Bình Dương, với quy mô từ 5 - 7ha/bến;

- Bãi đỗ xe tập trung: Quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe tập trung tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, xã, thôn với diện tích đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài.

8.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

a) Cốt nền xây dựng:

- Khu vực trong đê Hữu Đuống (đê sông Đuống): Giữ nguyên cao độ nền xây dựng trong làng xóm, khu dân cư hiện trạng. Các khu vực đô thị (Thị trấn Gia Bình và đô thị Nhân Thắng, đô thị Cao Đức) và các khu vực xây dựng mới theo quy hoạch cao độ nền phù hợp với các tuyến đường giao thông của khu vực.

- Khu vực ngoài đê Hữu Đuống (đê sông Đuống): Cơ bản giữ nguyên cao độ nền hiện trạng tự nhiên, đảm bảo hành lang thoát lũ sông Thái Bình và sông Đuống.

b) Thoát nước mặt:

- Toàn bộ huyện Gia Bình được chia thành các lưu vực tiêu chính gồm:

+ Vùng tiêu Song Giang bao gồm tiêu nước cho xã Song Giang và Giang Sơn qua trạm bơm Song Giang thoát ra sông Đuống.

+ Vùng tiêu Cầu Sài gồm xã Lãng Ngâm, Đông Cứu thoát nước ra sông Đại Quảng Bình qua trạm bơm Cầu Sài.

+ Vùng tiêu Kênh Vàng gồm các khu vực còn lại chảy vào sông Ngụ, sông Móng rồi qua hệ thống trạm bơm Kênh Vàng thoát ra sông Thái Bình.

- Kênh mương tiêu chính thoát ra các sông Ngụ, sông Móng, sông Bội, Sông

Lai,... sau đó thoát nước về phía các trạm bơm tiêu ra sông Đuống, sông Thái Bình thông qua các trạm bơm: Môn Quảng, Giang Sơn, Song Giang, Vạn Ninh, Kênh Vàng I, Kênh Vàng II, Kênh Vàng III,...

- Ngoài ra còn có hệ thống các trạm bơm cục bộ khác phục vụ tiêu cho vùng sản xuất và dân cư hiện trạng như: trạm bơm Cầu Sài (xã Đại Bái), trạm bơm Phương Độ (xã Cao Đức), trạm bơm Nhân Thắng, trạm bơm Xuân Lai, trạm bơm Thủ Pháp,..., hệ thống kênh tiêu thoát nước.

c) Hệ thống công trình thủy lợi: Đầu tư nâng cấp các trạm bơm nông nghiệp đảm bảo tiêu thoát nước nông nghiệp, đô thị và nông thôn. Nâng cấp, cải tạo, khơi thông dòng chảy kênh tiêu thoát nước chính trong khu vực đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời cho toàn vùng huyện hiện tại. Các tuyến kênh tưới cho các khu vực chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đô thị sẽ cải tạo thành kênh tiêu hoặc bỏ các tuyến kênh này.

8.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Chủ yếu khai thác sử dụng nguồn nước mặt sông Đuống là chủ yếu.

- Dự báo nhu cầu cấp nước: Cho các Khu công nghiệp (gồm: KCN Gia Bình I, KCN Gia Bình II) từ 25.000 đến 30.000m³/ngđ; cho khu vực đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện Gia Bình từ 35.000 đến 40.000m³/ngđ.

- Phân vùng cấp nước: Huyện Gia Bình thuộc vùng cấp nước Nam Đuống, toàn huyện phân thành 05 vùng cấp nước theo khả năng cung ứng của các NMN gồm các NMN:

+ Nhà máy nước Đại Bái công suất năm 2035 khoảng 10.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước thị trấn Gia Bình công suất năm 2035 khoảng 15.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước Đại Lai công suất năm 2035 khoảng 15.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước Song Giang công suất năm 2035 khoảng 3.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước Cao Đức công suất năm 2035 khoảng 5.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước KCN Gia Bình I khoảng 15.000 – 20.000 m³/ngđ.

+ Nhà máy nước KCN Gia Bình II khoảng 15.000 – 20.000 m³/ngđ.

- Định hướng mạng lưới đường ống cấp nước: Mạng lưới ống truyền dẫn từ các nhà máy cấp nước đi dọc theo các tuyến đường giao thông cấp nước tới các khu dân cư, khu đô thị, khu chức năng, đảm bảo lưu lượng cấp nước.

- Cấp nước chữa cháy: Nước cấp chữa cháy được lấy từ nguồn cấp nước sinh hoạt và nước sông, ao, hồ hiện có trên địa bàn.

- Khoanh vùng bảo vệ nguồn cấp nước đảm bảo yêu cầu cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước sạch và nước thô theo quy định về quản lý bảo vệ hành lang nguồn cấp nước hiện hành.

8.4. Quy hoạch cấp điện

a) Nguồn điện: Khu vực Vùng huyện Gia Bình chủ yếu sử dụng nguồn điện của trạm 110KV Gia Lương hiện trạng công suất 2x40MVA. Theo quy hoạch điện sẽ nâng cấp và được bổ sung một số trạm biến áp gồm:

+ Trạm biến áp 110kV Gia Lương (hiện có), nâng công suất lên 2x63 MVA.

- + Trạm biến áp 110kV Gia Bình, xây mới, công suất 2x63 MVA
- + Trạm biến áp 110kV Vạn Ninh, xây mới, công suất 2x63 MVA

b) Lưới điện:

b1. Lưới điện 110kV

- Xây dựng mới tuyến 110kV từ trạm biến áp 220kV Bắc Ninh 5 đến trạm 110kV Gia Bình, nhánh rẽ từ trạm biến áp 110kV Gia Bình đến tuyến 110kV Gia Lương – Bình Định hiện trạng.

- Xây dựng mới tuyến 110kV từ trạm biến áp 220kV Bắc Ninh 6 đến trạm biến áp 110kV Gia Lương.

- Xây dựng mới các tuyến 110kV rẽ nhánh từ tuyến 110kV Phả Lại – Quế Võ 2 đến trạm biến áp 110kV Vạn Ninh, tuyến 110kV từ trạm biến áp 110kV Vạn Ninh đến trạm biến áp 220kV Bắc Ninh 6.

b2. Lưới điện trung thế:

- Lưới trung thế được thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Mạch vòng được cấp điện từ các trạm biến áp 110kV trên địa bàn huyện và khu vực lân cận.

- Lưới trung thế trong các khu nhà ở, khu đô thị mới đi ngầm, đối với khu vực dân cư nông thôn khuyến khích đi ngầm. Lưới trung thế hiện trạng trong khu vực trung tâm đô thị định hướng ngầm hóa trong tương lai.

- Lưới điện trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy hoạch đi nổi hoặc ngầm, khuyến khích đi ngầm.

8.5. Quy hoạch thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc theo công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Nâng cấp công nghệ chuyên mạch, xây dựng hệ thống mạng truyền dẫn, triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm thông tin theo hệ thống công trình ngầm, nâng cấp hạ tầng thông tin hiện có. Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng theo xu hướng của thế giới, kết nối liên thông.

- Phát triển, nâng cao chất lượng mạng lưới bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, tiện ích của cộng đồng dân cư.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải phát sinh khu đô thị, khu dân cư toàn huyện Gia Bình từ 15.000 đến 18.000 m³/ngđ đến năm 2035. Các khu đô thị mới, khu nhà ở, khu dân cư mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng, có điểm chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực; vị trí các trạm xử lý nước thải cụ thể theo đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn. Trước mắt tập trung xử lý nước thải cho khu vực đô thị và vùng phụ cận, từng bước xử lý nước thải cho khu vực nông thôn theo lộ trình.

- Nước thải chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc được xử

lý tại các bể biogas để giảm thiểu ô nhiễm môi trường; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn có hệ thống xử lý nước thải riêng đảm bảo quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

b) Quy hoạch chất thải rắn: Dự kiến đến năm 2035, lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 310 tấn/ngày đêm, trong đó chất thải sinh hoạt khoảng 90-120 tấn/ngày đêm, chất thải công nghiệp khoảng 200-250 tấn/ngày đêm. Giai đoạn ngắn hạn, chất thải rắn sẽ được xử lý tại khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của huyện tại xã Cao Đức, với diện tích khoảng 10ha; giai đoạn dài hạn sẽ được thu gom và xử lý tại các nhà máy đốt rác phát điện theo quy hoạch (chất thải rắn công nghiệp được chủ nguồn thải quản lý và tổ chức xử lý đảm bảo quy định về môi trường).

c) Quy hoạch nghĩa trang: Quy hoạch nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Đại Bái với diện tích khoảng 30ha theo hình thức công viên nghĩa trang; từng bước cải tạo các nghĩa trang hiện trạng đảm bảo cảnh quan và vệ sinh môi trường phù hợp với lộ trình và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.

8.7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho khu, cụm công nghiệp và các khu vực phát triển mới, từng bước xử lý nước thải cho khu vực nông thôn; kiểm soát nguồn thải đối với lưu vực sông Đuống, sông Cầu Móng, sông Ngụ Khê, sông Lai, ... và các kênh mương lớn trong vùng.

- Bảo vệ môi trường sinh thái từ quy hoạch xây dựng các công viên cây xanh trong đô thị, khu vực dân cư nông thôn, xung quanh cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

- Thu hút các dự án đầu tư theo hướng sản xuất bằng công nghệ sạch, kiểm soát ô nhiễm môi trường, phát triển giao thông công cộng; thực hiện phân loại và thu gom xử lý chất thải rắn, đảm bảo quy chuẩn môi trường.

9. Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch: Được thẩm định và ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

10. Các chương trình, dự án ưu tiên, nguồn lực và lộ trình thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển đô thị, phát triển nhà ở.

- Chương trình phát triển nông thôn gắn với xây dựng nông thôn kiểu mẫu.

b) Các dự án chiến lược ưu tiên

- Hệ thống hạ tầng cơ sở:

+ Đầu tư phát triển mới đường ĐT.282B; ĐT.279, trục đường huyện quy hoạch mới (đường tránh QL.17).

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống các công trình đầu mối cấp vùng trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang.

+ Đầu tư xây dựng các công trình công viên, cây xanh, quảng trường, khu vui chơi giải trí cấp vùng, cấp đô thị.

+ Hệ thống công trình giáo dục, y tế, trụ sở cơ quan được đầu tư, nâng cấp đảm bảo yêu cầu phát triển.

- Hệ thống hạ tầng kinh tế:

+ Phát triển các dự án khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch vùng huyện.

+ Thu hút đầu tư các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Thu hút đầu tư các dự án thương mại dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí,...

- Tại khu vực ở làng xóm cải tạo chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

c) Nguồn lực thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước đối với công trình hạ tầng thiết yếu, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào các dự án xã hội hóa, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật.

d) Lộ trình thực hiện:

- Giai đoạn 2020 - 2025: Rà soát, lập kế hoạch, lộ trình xác định danh mục ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, để thu hút đầu tư xây dựng vào các dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Giai đoạn 2025 - 2035: Phát triển các dự án về hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo hướng phát triển bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Điều 2. Giao UBND huyện Gia Bình tổ chức công bố, công khai Đồ án QHXD vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt đảm bảo các quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo; Giao thông vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban quản lý các KCN tỉnh; Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh; UBND huyện Gia Bình và các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: KTTH, TNMT, VHXX, các PCVP, CVP;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hương Giang
Nguyễn Hương Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

**THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA BÌNH
ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 624 /QĐ-UBND, ngày 25 /12/2020 của
UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050)*



CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (viết tắt là QHV huyện Gia Bình) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Gia Bình, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Gia Bình quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2: Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh

Quy định quản lý theo đồ án QHV huyện Gia Bình được lập trên cơ sở đồ án QHV huyện Gia Bình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Điều 3: Nguyên tắc quản lý quy hoạch

Đối với các khu vực hiện hữu; khu vực đã có Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết được phê duyệt; các khu vực đã được giao đất thực hiện dự án, các khu vực được phê duyệt dự án đầu tư, các khu vực đã có chủ trương thực hiện trước thời điểm QHV huyện Gia Bình được phê duyệt, nằm trong các vùng chức năng được quy hoạch mà đối với bản đồ tỷ lệ 1/25.000 của đồ án QHV huyện Gia Bình không thể hiện được thì được xem xét giữ nguyên và thực hiện theo các căn cứ pháp lý đã có. Các vùng chức năng cấp quy hoạch vùng huyện sẽ được quy hoạch cụ thể trong quá trình lập Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết.

Khi các văn bản pháp luật, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn trong Quy định này được sửa đổi, thay thế thì thực hiện theo văn bản pháp luật, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn được sửa đổi, thay thế tại thời điểm áp dụng.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4: Quy định về phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Quy định về phạm vi, ranh giới

Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Gia Bình với 14 đơn vị hành chính gồm 1 thị trấn và 13 xã, được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp huyện Quế Võ với ranh giới là sông Đuống; phía Đông giáp thành phố Chí Linh và huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; phía Nam giáp huyện Lương Tài; phía Tây giáp huyện Thuận Thành.

2. Quy định về quy mô diện tích đất đai

Diện tích tự nhiên khoảng 10.758,67 ha (107,6 km²).

3. Quy định về quy mô dân số: Dự báo đến năm 2035: khoảng 135.000 – 145.000 người.

Điều 5: Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế Huyện Gia Bình chia làm 2 vùng phát triển

1. Vùng phát triển kinh tế đô thị: Gồm các đô thị Gia Bình, Nhân Thắng, Cao Đức. Các khu vực được liên kết bám theo tuyến giao thông huyết mạch như QL.17, ĐT.282B (kết nối Đông - Tây); ĐT.279, ĐT.280, ĐT.284, ĐT.285, ĐT.285B (kết nối Bắc - Nam) và các tuyến đường huyện được quy hoạch mới (đường tránh đường QL.17 kết nối Thuận Thành - Gia Bình). Trọng tâm phát triển xung quanh 02 khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp về thương mại dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí, dịch vụ logistics. Quy mô các khu chức năng sẽ được cụ thể hóa trong Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết.

2. Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp và du lịch sinh thái, du lịch tâm linh: Ưu tiên nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái kết hợp trải nghiệm và du lịch tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống. Phát triển hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tập trung chuyển đổi sang các loại cây nông sản có giá trị hàng hóa cao; thực hiện dồn điền đổi thửa và chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển cây vụ đông, cây dược liệu, cây ăn quả và các loại cây có giá trị kinh tế cao. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn và công nghệ hiện đại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Quy mô các khu chức năng sẽ được cụ thể hóa trong Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết.

Điều 6: Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị:

UBND huyện Gia Bình có trách nhiệm rà soát tình hình thực hiện Quy hoạch chung đô thị Gia Bình, Quy hoạch chung đô thị Nhân Thắng đã được phê duyệt, đề xuất điều chỉnh để cập nhật các nội dung, định hướng theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện cho phù hợp; tổ chức lập đề án Quy hoạch chung đô thị Cao Đức theo quy mô đô thị được xác định trong quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo quy định của pháp luật, làm cơ sở để lập đề án nâng cấp đô thị theo lộ trình Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình, thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển đô thị, thương mại, hạ tầng, ... theo quy định của pháp luật.

UBND huyện Gia Bình, UBND thị trấn Gia Bình, UBND xã Đông Cứu, UBND xã Nhân Thắng, UBND xã Cao Đức có trách nhiệm quản lý, triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cải tạo chỉnh trang các khu vực dân cư, kiểm soát việc phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

UBND huyện Gia Bình tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát, đánh giá nhu cầu của địa phương theo Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở, Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất để đề xuất việc hình thành các khu nhà ở mới, khu đô thị cho phù hợp.

2. Quy định quản lý khu vực nông thôn:

UBND các xã còn lại tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã để cập nhật các nội dung, định hướng phát triển theo quy hoạch xây dựng vùng huyện; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện theo quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch xây dựng xã được phê duyệt, kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, tầng cao công trình, kiến trúc công trình và bảo vệ môi trường cảnh quan khu vực nông thôn; kiểm soát việc đô thị hóa tự phát, hình thức kiến trúc không phù hợp làm phá vỡ cảnh quan và môi trường khu vực nông thôn; thực hiện bảo tồn các không gian làng ở nông thôn.

UBND huyện Gia Bình tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn, trình phê duyệt theo quy định làm cơ sở quản lý, triển khai đầu tư xây dựng; rà soát, đánh giá nhu cầu của địa phương theo Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở, Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất để đề xuất việc hình thành các khu nhà ở mới, khu đô thị cho phù hợp. Tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng các khu vực trung tâm xã, khu dân cư hiện hữu và xây dựng mới hệ thống các điểm dân cư nông thôn. Phấn đấu xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Điều 7: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Quy định về trung tâm hành chính

UBND huyện Gia Bình rà soát cơ sở vật chất các trung tâm hành chính huyện tại thị trấn Gia Bình, trung tâm hành chính các đô thị tại Nhân Thắng và Cao Đức, trung tâm hành chính các xã để đề xuất nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới cho phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới, chính quyền đô thị và định hướng phát triển của huyện, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của từng địa phương; vị trí, quy mô công trình theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết và Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

1.2. Quy định về các khu công nghiệp tập trung:

UBND huyện Gia Bình phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp để kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư triển

khai thực hiện tại Khu công nghiệp Gia Bình I và Khu công nghiệp Gia Bình II theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch thân thiện với môi trường. Chỉ đạo các địa phương, vận động người dân tại khu vực có khu công nghiệp phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án, giám sát việc triển khai thực hiện theo quy hoạch phân khu các khu công nghiệp được phê duyệt.

1.3. Quy định về các cụm công nghiệp:

UBND huyện Gia Bình có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Cao Đức – Vạn Ninh, cụm công nghiệp Quỳnh Phú, Cụm công nghiệp làng nghề Xuân Lai, cụm công nghiệp Song Giang – Giang Sơn; đồng thời rà soát bổ sung các cụm công nghiệp khác trên địa bàn đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai, theo quy mô được xác định trong quy hoạch xây dựng vùng huyện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với Sở Công thương, tham mưu UBND tỉnh lựa chọn các nhà đầu tư thực hiện dự án cụm công nghiệp theo Nghị định 68/2018/NĐ-CP, thu hút các dự án đầu tư xây dựng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.

1.4. Quy định về các khu thương mại, dịch vụ, logistics, các chức năng cấp vùng:

Đối với khu vực dọc sông Đuống được quy hoạch với chức năng khu vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp sinh thái, dịch vụ logistics, UBND huyện Gia Bình căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án: Nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, khu vui chơi giải trí (vui chơi giải trí theo chuyên đề, sân golf, ...), khu du lịch trải nghiệm, khu dịch vụ logistics trên cơ sở đảm bảo an toàn đề điều, hành lang thoát lũ và môi trường.

Đối với khu đô thị, dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp dọc tuyến đường QL.17, UBND huyện Gia Bình phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức lập quy hoạch phân khu làm cơ sở để giới thiệu địa điểm, thu hút các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, thương mại dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp Gia Bình II.

Đối với các khu vực đã có quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, UBND huyện Gia Bình căn cứ quy hoạch được phê duyệt tổ chức lập, trình phê duyệt, công bố danh mục lựa chọn nhà đầu tư theo Nghị định 25/2020/NĐ-CP.

Đối với các khu vực còn lại (chỉ có quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã), UBND huyện Gia Bình căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt để đề xuất giới thiệu địa điểm, trình Sở Xây dựng, báo cáo UBND tỉnh để làm cơ sở lập, trình phê duyệt, công bố danh mục lựa chọn các nhà đầu tư theo quy định.

1.5. Quy định đối với khu giết mổ tập trung: Được quy hoạch tại xã Xuân Lai, với quy mô khoảng 5ha, giao UBND huyện Gia Bình rà soát, lựa chọn vị trí đảm bảo khoảng các tới khu dân cư, nguồn nước, công trình công cộng, tập trung đông người theo quy định, tổ chức lập quy hoạch chi tiết, phê duyệt quy hoạch, làm cơ sở triển khai, thực hiện theo quy định.

1.6. Quy định đối với mạng lưới công trình công cộng:

Giao UBND huyện Gia Bình tiến hành rà soát, bổ sung các công trình hạ tầng xã hội (văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế,...) đảm bảo đáp ứng nhu cầu của từng địa phương, quy mô công trình và các tiêu chí tuân thủ theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết. Khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trường học các cấp ngoài công lập ở những khu vực đông dân cư, có nhu cầu phát triển theo hình thức xã hội hóa.

1.7. Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu hướng mới; phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh đã được phê duyệt và định hướng phát triển nhà ở trong những năm tiếp theo.

Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị hiện đại, đồng bộ theo quy hoạch đô thị được phê duyệt trên cơ sở đảm bảo Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở.

Tại khu vực nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, hiện đại, đồng bộ, giàu bản sắc.

Tại khu vực gần khu công nghiệp: Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp tổng hợp (công nghiệp - dịch vụ - đô thị).

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

2.1. Quy định quản lý cao độ nền: Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng, khoa học và bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Quy định đối với công trình giao thông, bến xe, bãi đỗ xe, hệ thống cảng

Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh.

Đối với các đường tỉnh, đường huyện (đường liên xã), căn cứ quy hoạch xây dựng vùng huyện, giao Sở Xây dựng thoả thuận, thống nhất hướng tuyến, mặt cắt ngang, cao độ,... làm cơ sở thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Đối với các đường xã (đường liên thôn) trở xuống, căn cứ quy hoạch xây dựng, giao UBND huyện Gia Bình thoả thuận, thống nhất hướng tuyến, mặt cắt ngang, cao độ,... làm cơ sở thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Đối với các bến xe, bãi đỗ xe, Cảng Thái Báo, cảng Cao Đức: UBND huyện Gia Bình căn cứ quy hoạch xây dựng được phê duyệt, đề xuất giới thiệu địa điểm, Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh giới thiệu địa điểm, làm cơ sở triển khai, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

2.3. Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang.

Công trình thoát nước thải: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, công trình

đầu mỗi thoát nước phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại.

Công trình xử lý rác thải: Giai đoạn ngắn hạn, chất thải rắn sẽ được xử lý tại khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung của huyện tại xã Cao Đức, với diện tích khoảng 10ha; giai đoạn dài hạn sẽ được thu gom và xử lý tại các nhà máy đốt rác phát điện theo quy hoạch (chất thải rắn công nghiệp được chủ nguồn thải quản lý và tổ chức xử lý đảm bảo quy định về môi trường).

Nghĩa trang: Giao UBND huyện Gia Bình rà soát, lựa chọn vị trí xây dựng nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Đại Bái, với diện tích khoảng 30ha đảm bảo khoảng cách theo quy định. UBND huyện Gia Bình tổ chức lập quy hoạch chi tiết, triển khai đầu tư xây dựng hoặc thu hút nhà đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 8: Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

1.1. Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.2. Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD - Công trình giao thông.

1.4. Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước, nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo Tiêu chuẩn, Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân

tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2019.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đô. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông; Trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ số tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để chứa nước.

3.5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.6. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi

hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD - Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

6.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

6.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

7.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang; Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 13/8/2019 của Tỉnh ủy.

7.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

Điều 9. Quy định về bảo vệ môi trường.

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về việc đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về “Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan khu vực ven sông, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp

bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 10: Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng

Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hoá số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá số năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

- Lập danh mục cụ thể, xác định giá trị và quy định ranh giới bảo tồn với các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng, làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật bảo tồn di sản.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm đối với: Hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử, hành lang bảo vệ các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa, vùng cảnh quan sinh thái có giá trị của vùng.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Gia Bình phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì UBND huyện Gia Bình, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức có liên quan báo cáo các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức lập mới và điều chỉnh các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết theo QHV huyện Gia Bình được phê duyệt; thẩm định, phê duyệt các đồ án theo thẩm quyền được quy định tại Quy định phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng được UBND tỉnh ban hành.

5. Sở Xây dựng cung cấp thông tin quy hoạch đối với các dự án có tính chất vùng theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch chung đô thị; phối hợp với UBND huyện Gia Bình trong việc thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án; thẩm định các đề xuất giới thiệu địa điểm các công trình thương mại, dịch vụ, nhà ở,... báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

6. Giao Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình cung cấp thông tin quy hoạch đối với các dự án nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết, quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt (trừ các công trình có tính chất cấp vùng huyện).

Điều 12: Quy định công bố thông tin

1. UBND huyện Gia Bình có trách nhiệm công bố thông tin và nội dung đồ án quy hoạch được duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị công bố quy hoạch công khai để toàn bộ người dân được biết.

2. Sở Xây dựng và huyện Gia Bình có trách nhiệm lưu giữ Hồ sơ quy hoạch để phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình được duyệt, cho UBND cấp xã, đô thị, thị trấn để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch.

Điều 13. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng, phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.